**ĐỀ CƯƠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM-SỬ 12-HKI**

**BÀI 6: NƯỚC MĨ**

1. NHẬN BIẾT

Câu 1.Lĩnh vực mà Mĩ đầu tư nhiều nhất để đưa đất nước phát triển là lĩnh vực nào ?

A. Giáo dục và nghiên cứu khoa học.

B. Khoa học kỹ thuật .

C. Công nghiệp chế tạo các loại vũ khí phục vụ chiến tranh.

D. Xuất cảng tư bản đến các nước thuộc địa .

Câu 2. Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nền kinh tế Mĩ ?

A. Sự vươn lên cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

B. Kinh tế Mĩ không ổn định do vấp phải nhiều cuộc suy thoái, khủng hoảng.

C. Do theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới.

D. Sự giàu nghèo quá chênh lệch trong các tầng lớp xã hội.

Câu 3.Nước nào là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần 2?

A. Liên Xô.

B. Anh.

C. Mĩ

D. Nhật Bản.

Câu 4. Sau chiến tranh thế giới thứ 2, Mĩ dự trữ bao nhiêu trữ lượng vàng của thế giới?

A. 1/2 trữ lượng vàng của thế giới.

B. 3/4 trữ lượng vàng của thế giới.

C. 1/4 trữ lượng vàng của thế giới.

D. 2/4 trữ lượng vàng của thế giới.

**Câu 5.** Mục tiêu nào ***không***có trong Chiến lược toàn cầu của Mĩ (1945-1991)?

A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt CNXH.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ.

C. Khống chế, chi phối và điều khiển các nước đồng minh.

D. Tăng cường phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.

**Câu 6**. Mục tiêu nào ***không*** có trong chiến lược “Cam kết và mở rộng”?

A. Bảo đảm an ninh của Mĩ.

B. Khôi phục phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.

C. “Thúc đẩy dân chủ ”can thiệp vào nội bộ các nước khác.

D. Giữ gìn hòa bình của thế giới.

II. THÔNG HIỂU

Câu 7.Trong các nguyên nhân đưa nền kinh tế Mĩ phát triển, nguyên nhân nào quyết định nhất ?

1. Nhờ áp dụng những thành tựu KHKT của thế giới.
2. Nhờ tài nguyên thiên nhiên phong phú .
3. Nhờ trình độ tập trung sản xuất ,tập trung tư bản cao.
4. Nhờ quân sự hóa nền kinh tế.

Câu 8.Vì sao Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu?

A. Mĩ có sức mạnh về quân sự.

B. Mĩ có thế lực về kinh tế .

C. Mĩ khống chế các nước đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Mĩ tham vọng làm bá chủ thế giới.

Câu 9.Vì sao 1972 Mĩ thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?

A. Mĩ muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô.

B. Mĩ muốn hòa hoãn với Trung Quốc và Liên Xô để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.

C. Mĩ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Mĩ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại các nước thuộc địa.

Câu 10. Nguyên nhân nào không tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Được yên ổn sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.

D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây không phản ánh đúng tình hình nước Mĩ 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ 2 ?

A.Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng.

B.Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới .

C. Kinh tế Mĩ vượt xa Tây Âu và Nhật Bản.

D. Kinh tế Mĩ chịu sự cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

Câu 12. "Chiêu bài" Mĩ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác được đề ra trong « Chiến lược cam kết và mở rộng » là

A. tự do tín ngưỡng.

B. ủng hộ độc lập dân tộc.

C. thúc đẩy dân chủ.

D. chống chủ nghĩa khủng bố.

III. ĐỘ VẬN DỤNG THẤP

Câu 13. Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mĩ so với kinh tế Tây Âu và Nhật Bản là gì?

A. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh và luôn giữ vững địa vị hàng đầu.

B. Kinh tế Mĩ bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh gay gắt.

C. Kinh tế Mĩ phát triển nhanh, nhưng thường xuyên xảy ra nhiều cuộc suy thoái.

D. Kinh tế Mĩ phát triển đi đôi với phát triển quân sự.

Câu 14.Xác định thành tựu quan trọng nhất của cách mạng khoa học kỉ thuật trong nông nghiệp ở Mĩ ?

A. Sử dụng cơ khí hóa, hóa học hóa trong nông nghiệp.

B. Sử dụng máy móc thiết bị hiện đại trong nông nghiệp.

C. Ứng dụng công nghệ sinh học trong lai tạo giống.

D.Thực hiện cuộc “cách mạng xanh trong nông nghiệp”.

Câu 15.Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Mĩ dựa vào tiềm lực kinh tế-tài chính và lực lượng quân sự to lớn, giới cầm quyền Mĩ theo đuổi

A. mưu đồ thống trị toàn thế giới.

B. xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

C. mưu đồ thống trị toàn thế giới và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

D. mưu đồ thống trị toàn thế giới và nô dịch các quốc gia-dân tộc trên hành tinh.

Câu 16.Chiến lược toàn cầu của Mĩ với 3 mục tiêu chủ yếu, theo em mục tiêu nào có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam ?

A.Ngăn chặn và tiến tới tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

B. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc.

C. Đàn áp phong trào công nhân và cộng sản quốc tế.

D. Khống chế các nước tư bản đồng minh.

Câu 17.Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại của các đời Tổng thống Mĩ (từ Truman đến Nich xơn) là

A. chuẩn bị tiến hành « Chiến tranh tổng lực ».

B. ủng hộ « Chiến lược toàn cầu ».

C. xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

D. theo đuổi « Chủ nghĩa lấp chỗ trống ».

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 18. Xác định yếu tố nào thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mĩ khi bước sang thế kỉ XXI?

A. Chủ nghĩa khủng bố.

B. Chủ nghĩa li khai.

C. Sự suy thoái về kinh tế

D. xung đột sắc tộc, tôn giáo.

Câu 19.Lí giải nguyên nhân vì sao từ những năm 80 trở đi, mối quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô chuyển sang đối thoại và hòa hoãn?

A. Cô lập phong trào giải phóng dân tộc.

B. Địa vị kinh tế, chính trị của Mĩ và Liên Xô suy giảm.

C. Kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản vươn lên.

D. Mĩ chấm dứt các cuộc chạy đua vũ trang.

Câu 20.Từ sự thất bại của Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mĩ phải chấp nhận

A. rút quân về nước và tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

B. bình thường hóa với Việt Nam và thay đổi chính sách đối ngoại.

C. thừa nhận Việt Nam là nước thống nhất và cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh.

D. kí với Việt Nam Hiệp định Pari và rút quân về nước.

Câu 21.Chứng minh giai đoạn từ 1991 đến năm 2000 khoa học-kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển

A. chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới, GDP năm 2000 là 9765 tỉ USD.

B.chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế, Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nôben.

C. Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nôben , giải Grammy có tiếng vang và ảnh hưởng quan trọng đến nhạc trẻ thế giới.

D. tạo ra 25 % giá trị sản phẩm của toàn thế giới, là kinh đô của điện ảnh và cường quốc thể thao.

Câu 22.Nhận xét về chính sách đối ngoại của Mĩ qua các đời Tổng thống từ năm 1945 đến năm 2000?

A. Hình thức thực hiện khác nhau, nhưng có cùng tham vọng muốn làm bá chủ thế giới.

B.Tiến hành chạy đua vũ trang và chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.

C. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và khống chế các nước đồng minh.

D.Tiến hành chiến tranh xâm lược và chống lại chủ nghĩa khủng bố.

Câu 23. Sự kiện nào chứng minh cuộc chiến đấu chống đế Mĩ xâm lược được nhân dân Mĩ đồng tình ủng hộ?

A. Cuộc đấu tranh thu hút 25 triệu người tham gia, lan rộng khắp 125 thành phố.

B. Từ 1969-1973, những cuộc đấu tranh của người da màu diễn ra mạnh mẽ

C. Chị Raymôngđiêng nằm trên đương ray xe lửa chặn đoàn tàu chở vũ khí sang Việt Nam

D. Phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mĩ diễn ra sôi nổi làm cho nước Mĩ chia rẽ.

BÀI 7.TÂY ÂU

I.NHẬN BIẾT

Câu 1: Kế hoạch Mác-san (6/1947) còn được gọi là

A. kế hoạch khôi phục châu Âu.

B. kế hoạch phục hưng kinh tế các nước châu Âu

C. kế hoạch phục hưng châu Âu.

D. kế hoạch phục hưng kinh tế châu Âu.

Câu 2.Tính đến năm 2007, liên minh châu Âu (EU) bao gồm bao nhiêu nước thành viên?

A. 25 nước thành viên.

B. 26 nước thành viên.

C. 27 nước thành viên.

D. 28 nước thành viên.

Câu 3.Định ước Henxiki được kí kết giữa các nước châu Âu và nước nào?

A. Mĩ và Ôtxtrâylia.

B. Ôtxtrâylia và Pháp.

C. Can na đa và Hà Lan.

D. Mĩ và Canađa

Câu 4. Đồng tiền chung châu Âu (EURO) chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU vào thời gian nào?

A.1-12-1991

B.1-1-1993

C.1-1-1999

D.1-1-2002

Câu 5. Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời năm 1967 trên cơ sở hợp nhất của các tổ chức nào?

A. Nghị viện châu Âu, Cộng đồng kinh tế châu Âu, Cộng đồng than – thép châu Âu.

B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, Cộng đồng kinh tế châu Âu, Cộng đồng than thép châu Âu.

C. Cộng đồng kinh tế châu Âu, Cộng đồng than thép châu Âu, Liên minh châu Âu.

D. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, Cộng đồng than - thép châu Âu, Liên minh châu Âu.

Câu 6. Nước có nền kinh tế phát triển nhất trong Liên minh châu Âu là

A. Anh.

B. Pháp.

C. Đức.

D. I-ta-li-a.

Câu 7. Tổ chức nào mở đầu cho sự hợp tác giữa các nước Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ II?

A. Công đồng kinh tế châu Âu.

B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

C. Cộng đồng châu Âu.

D. Cộng đồng than – thép châu Âu.

II. THÔNG HIỂU

Câu 8: Nguyên nhân cơ bản thúc đẩy nền kinh tế các nước Tây Âu phát triển

1. áp dụng những thành tựu KHKT hiện đại vào trong sản xuất.
2. nhà nước đóng vai trò lớn trong việc quản lí ,điều tiết,thúc đẩy nền kinh tế .
3. tận dụng các cơ hội bên ngoài để phát triển.
4. sự nổ lực ,bóc lột của các nhà tư bản đối với công nhân trong và ngoài nước.

Câu 9.Trong giai đoạn 1950-1973, nhiều thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan tuyên bố độc lập, đánh dấu thời kì

A. “phi thực dân ”.

B. “ thực dân hóa”.

C. “phi thực dân hóa”.

D. “nhất thể hóa”.

Câu 10. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp các liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn

A. cả trong lĩnh vực chính trị và an ninh chung.

B. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

C. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

D. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

Câu 11. Nguyên nhân nào không thúc đẩy nền kinh tế Tây Âu phát triển ?

A. Áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật

B. Các công ti, tập đoàn tư bản có sức sản xuất và cạnh tranh hiệu quả.

C. Vai trò điều tiết kinh tế có hiệu quả của nhà nước.

D. Tận dụng yếu tố bên ngoài.

Câu 12. Quan hệ Việt Nam-EU ( thiết lập 1990) diễn ra trên những lĩnh vực nào ?

A.Trên tất cả các lĩnh vực theo chiều sâu.

B.Trên lĩnh vực công nghiệp và thủy sản.

C. Trên lĩnh vực công nghệ và giáo dục.

D.Trên lĩnh vực nông nghiệp và dầu khí.

Câu 13. Tổ chức liên kết kinh tế - chính trị lớn nhất thế giới hiện nay là

A. Liên hợp quốc (UN).

B. Liên minh châu Âu (EU).

C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

D. Liên minh châu Phi (AU).

Câu 14. Đến cuối thập niên 90 (thế kỷ XX), tỉ trọng tổng sản phẩm kinh tế (GDP) của EU so với thế giới là

A.chiếm 1/3 GDP thế giới.

B. chiếm ½ GDP thế giới

C. chiếm 1/4 GDP của thế giới.

D. chiếm ¾ GDP thế giới.

Câu 15. Mục tiêu thành lập liên minh Châu Âu là

A. hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh châu Âu.

B. hợp tác phát triển kinh tế văn hóa, giáo dục, duy trì hòa bình an ninh khu vực.

C. hợp tác phát triển kinh tế, thúc đẩy các quan hệ giao lưu quốc tế giữa các nước trên thế giới.

D. hợp tác phát triển vì một châu Âu thống nhất và thịnh vượng.

Câu 16. Cuối thập kỉ 90, EU đã trở thành tổ chức

A. Tổ chức liên kết chính trị-kinh tế lớn nhất hành tinh, chiếm hơn ¼ GDP của thế giới.

B. Tổ chức liên kết kinh tế lớn nhất lớn nhất hành tinh, chiếm hơn ¼ GDP của thế giới.

C. Tổ chức liên kết chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm hơn ¼ GDP của thế giới.

D. Tổ chức liên kết khoa học kĩ thuật và an ninh lớn nhất hành tinh.

Câu 17. Liên minh Châu Âu chưa làm được mục tiêu nào?

A. Phát hành và sử dụng đồng tiền chung, thành lập ngân hàng chung châu Âu.

B. Bỏ kiểm soát việc đi lại của các công dân các nước thành viên.

C. Thành lập nghị viện Châu Âu.

D. Thực hiện chính sách đối ngoại chung.

Câu 18. Sự kiện tác động mạnh đến Liên minh Châu Âu năm 2016 là gì?

A. Anh rời khỏi liên minh Châu Âu.

B. Chủ nghĩa khủng bố đe dọa.

C. Sức ép từ người nhập cư.

D. Sự khủng hoảng kinh tế thế giới.

III. VẬN DỤNG THẤP

Câu 19.Sự kiện nào chứng tỏ tâm điểm đối đầu giữa 2 cực Xô-Mĩ ở châu Âu?

A. Sự hình thành hai nhà nước trên lãnh thổ Đức với hai chế độ chính trị khác nhau.

B. Sự ra đời của “kế hoạch Mácsan”, Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.

C. Sự ra đời của “ Hội đồng tương trợ kinh tế” thúc đẩy sự phát triển kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Sự ra đời của “ Tổ chức Hiệp ước Vascsava” giữ gìn hòa bình, an ninh châu Âu và thế giới.

Câu 20.Việc sử dụng đồng tiền chung châu Âu ((EURO) ở nhiều nước EU có tác dụng quan trọng gì?

A. Thống nhất tiền tệ, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

B. Thuận lợi trao đổi mua bán giữa các nước.

C.Thống nhất chế độ đo lường và dễ dàng trao đổi mua bán.

D. Thống sự kiểm soát tài chính của các nước.

Câu 121.Điểm nổi bật nhất trong chính sách đối ngoại của liên minh châu Âu sau chiến tranh lạnh?

A. Mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới.

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

C. Liên minh chặt chẽ với Nga.

D. Liên minh với các nước Đông Nam Á.

Câu 22. Mục tiêu của tổ chức Liên minh Châu Âu (EU) khác với tổ chức Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) điểm nào?

A. Liên kết về kinh tế và quân sự.

B. Liên kết về tiền tệ và chính trị.

C. Liên kết về kinh tế - chính trị.

D. Liên kết về kinh tế văn hóa.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 23.Sự kiện Anh muốn rời Liên minh châu Âu (2016) đã tác động như thế nào đến tình hình chung của liên minh Châu Âu?

A. Làm đảo lộn nền kinh tế tài chính của khu vực.

B. Gây khó khăn trong việc quan hệ thương mại của khu vực.

C.Gây khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa giữa Anh và khu vực.

D.Gây khó khăng trong quan hệ trao đổi về tài chính trong khu vực.

Câu 24.Tổ chức Liên minh Châu Âu ra đời cùng với xu hướng chung nào của thế giới?

A. Đối thoại hợp tác của các nước tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

B. Đối đầu của các nước tư bản chủ nghĩa và các nước xã hội chủ nghĩa.

C.Các tổ chức liên kết khu vực xuất hiện ngày càng nhiều.

D. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

Câu 25. Vì sao nói "Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh"?

A.Số lượng thành viên nhiều.

B.Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

C.Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.

D.Chiếm khoảng ¼ GDP của toàn thế giới.

Câu 26. So với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), sự phát triển của Liên minh châu Âu (EU) có điểm khác biệt gì?

A. Hạn chế sự can thiệp và chi phối của các cường quốc.

B. Hợp tác, giúp đỡ các nước trong khu vực phát triển kinh tế.

C. Diễn ra quá trình nhất thể hóa trong khuôn khổ khu vực.

D. Quá trình hợp tác, mở rộng thành viên diễn ra khá lâu dài.

Câu 27. Mỹ viện trợ cho các nước Tây âu thông qua kế hoạch Mác-san (1947) nhằm mục tiêu nào sau đây?

A. Lôi kéo đồng minh để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.

B. Thúc đẩy tiến trình hình thành của liên minh châu Âu.

C. Lôi kéo đồng minh để cũng cố trật tự thế giới “một cực”.

D. Giúp các nước Tây âu phát triển kinh tế để cạnh tranh với Trung Quốc.

BÀI 8. NHẬT BẢN

I.NHẬN BIẾT

Câu 1.Ngày 8-9-1951 ,Nhật Bản ký kết với Mĩ hiệp ước gì?

A. Hiệp ước phòng thủ chung ĐNA.

B. Hiệp ước an ninh Mĩ-Nhật .

C. Hiệp ước liên minh Mĩ –Nhật.

D. Hiệp ước chạy đua vũ trang.

Câu 2.Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN vào thời gian nào ?

A. Năm 1976.

B. Năm 1977.

C. Năm 1978.

D. Năm 1979.

Câu 3. Ngoài liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu,.. và chú trọng phát triển quan hệ với các nước

A. Đông Bắc Á.

B. Nam Á.

C. Đông Nam Á.

D. Mĩ Latinh.

Câu 4.Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ 1960-1969 là

A.10.8 %.

B. 7.8 %.

C. 8.7 %.

D. 8.1 %.

Câu 5*.* Ý nào không nằm trong ba cuộc cải cách lớn của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ II?

A. Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế, giải tán các Dai-bát-xư.

B. Cải cách ruộng đất.

C. Xét xử tội phạm chiến tranh.

D. Dân chủ hóa lao động.

Câu 6. Khó khăn của Nhật Bản sau chiến tranh thế giới mà các nước tư bản đồng minh chống phát xít không có là

A. phải dựa vào viên trợ của Mĩ dưới hình thức vay nợ.

B. sự tàn phá nặng nề của chiến tranh.

C. là nước bại trận, nước Nhật mất hết thuộc địa.

D. thiếu thốn gay gắt lương thực, thực phẩm.

Câu 7. Từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật có biểu hiện nào sau đây?

A. Khủng hoảng nặng nề.

B. Trì trệ kéo dài.

C. Suy thoái trầm trọng.

D. Phát triển thần kì

Câu 8. Từ năm 1952 đến năm 1960, kinh tế Nhật có biểu hiện nào sau đây?

A. Khủng hoảng nặng nề.

B. Trì trệ kéo dài.

C. Suy thoái trầm trọng.

D. Phát triển nhanh.

II. THÔNG HIỂU

Câu 9. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường số một thế giới về

A. dự trữ vàng.

B. tài chính.

C. ngoại tệ.

D. ngoại tệ và chủ nợ lớn nhất thế giới.

Câu 10. Những khó khăn khách quan của nền kinh tế Nhật bản từ những năm 1952-1973 là

A. bị chiến tranh tàn phá, hàng triệu người thất nghiệp, đói rét.

B. bị Mĩ với vai trò đồng minh chiếm đóng theo chế độ quân quản.

C. nghèo tài nguyên và là nước bại trận sau chiến tranh thế giới thứ 2.

D. sự cạnh tranh của các nước Tây Âu, các nước công nghiệp mới,Trung Quốc.

Câu 11. Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới hình thành vào thập niên 70 của thế kỉ XX là:

A. Mĩ - Anh - Pháp.

B. Mĩ - Liên Xô - Nhật Bản.

C. Mĩ - Tây Âu - Nhật Bản.

D. Mĩ - Đức - Nhật Bản.

Câu 12. Nhận định nào sau đây đánh giá đúng sự phát triển kinh tế Nhật Bản từ những năm 50 trở đi ?

A. Sự phát triển nhảy vọt.

B. Sự phát triển vượt bật.

C. Sự phát triển thần kì.

D. Sự phát to lớn.

Câu 13. Nguyên nhân nào trong sự phát triển “Thần kì của Nhật Bản” giống với nguyên nhân phát triển kinh tế của các nước tư bản khác?

A. Biết tận dụng và khai thác những thành tựu khoa học - kĩ thuật.

B. Lợi dụng vốn nước ngoài, tập trung đầu tư vào các ngành kĩ thuật then chốt.

C. “Len lách” xâm nhập vào thị trường các nước, thực hiện cải cách dân chủ.

D. Chi phí quốc phòng thấp.

Câu 14. Trong những năm 1973-1991, sự phát triển kinh tế Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn, chủ yếu là do

A. thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp đáng kể.

B. Tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới.

C. sự cạnh tranh của Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Sự cạnh tranh của Trung Quốc và Ấn Độ.

Câu 15. Cách Nhật Bản đi tắt, đón đầu trong việc phát triển khoa học – kỹ thuật là

A. mua các bằng phát minh sáng chế.

B. thu hút các nhà khoa học của thế giới tới Nhật.

C. đầu tư tự nghiên cứu.

D. hợp tác, chuyển giao công nghệ từ các nước tư bản.

Câu 16. Một trong những hạn chế của nền kinh tế Nhật là

A. nền công nghiệp hầu như lệ thuộc vào nguồn nguyên- nhiên liệu từ bên ngoài.

B. là nước đông dân nhưng diện tích đất hẹp.

C. kinh tế phát triển không ổn định, thường xuyên bị khủng hoảng.

D. nền kinh tế lệ thuộc vào nguồn viện trợ của nước Mĩ.

III. ĐỘ VẬN DỤNG THẤP

Câu 17. Nguyên nhân chung và quan trọng nhất thúc đẩy nền kinh tế của Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển nhanh chóng và trở thành 3 trung tâm kinh tế-tài chính lớn của thế giới?

A. Áp dụng thành tựu KHKT nâng cao năng suất , hạ giá thành sản phẩm.

B. Vai trò điều tiết kinh tế có hiệu quả của nhà nước.

C. Các công ty năng động có tầm nhìn xa, sức cạnh tranh cao.

D. Nguồn nhân lực lao động dồi dào , trình độ khoa học kĩ thuật cao

Câu 18. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mĩ trong phát triển khoa học-kĩ thuật?

A. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.

B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

C. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.

D. Đầu tư bán quân trang, quân dụng .

Câu 19. Mục tiêu lớn nhất của Nhật Bản muốn vươn đến từ năm 1991 đến năm 2000?

A. Vị trí trên trường quốc tế về kinh tế và chính trị.

B. Là một cường quốc về công nghệ và kinh tế.

C. Là một cường quốc về kinh tế và quân sự.

D. Là một cường quôc về quân sự và chính trị.

Câu 20. Nét đặc biệt trong nền văn hóa của Nhật Bản mà đến ngày nay vẫn còn lưu giữ ?

A. Kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

B. Kết hợp giữa thơ, nhạc họa với kiến trúc.

C. Kết hợp giữa kiếm đạo và trà đạo.

D. Kết hợp giữa hoa đạo, trà đạo với kiếm đạo.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 21. Nguyên nhân nào cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Nhật phát triển và là bài học kinh nghiệm cho các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam?

A. Con người được đào tạo chu đáo và áp dụng thành tựu khoa học-kĩ thuật

B. Vai trò lãnh đạo ,quản lí có hiệu quả của nhà nước

C. Tận dụng tốt các điều kiện bên ngoài để phát triển như

D. Các công ty năng động có tầm nhìn xa, sức cạnh tranh cao , chi phí cho quốc phòng thấp

Câu 22.Mục tiêu của chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống B.Clintơn có gì giống so với chiến lược toàn cầu?

A. Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

B. Muốn vươn lên lãnh đạo thế giới, tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu

C. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

D. Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.

Câu 23.Theo Hiến pháp mới (năm 1947) Nhật Bản tiến hành cải cách giáo dục, theo em nội dung cải cách nào phù hợp với hiến chương Liên Hợp Quốc?

A. Phủ nhận vai trò của Thiên hoàng.

B. Quy chính sách giáo dục bắt buộc .

C. Khuyến khích phát triển văn hóa.

D. Truyền bá tư tưởng hòa bình.

Câu 24. Từ năm 1973 đến 1991, điểm mới trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

A. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á, tổ chức ASEAN.

B. không còn chú trọng quan hệ với Mĩ và các nước Tây Âu.

C. chỉ coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu và Hàn Quốc.

D. chú trọng phát triển quan hệ với các nước ở khu vực Đông Bắc Á.

Câu 25. Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản giai đoạn 1952-1973 là

A. quan hệ chặt chẽ với các nước Đông Nam Á.

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

C. hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc.

D. Liên minh chặt chẽ với các nước Tây Âu.

Câu 26. Từ nửa sau những năm 70 của thế kỉ XX, Nhật Bản đưa ra chính sách đối ngoại mới chủ yếu là do

A. có tiềm lực kinh tế-quốc phòng vượt trội.

B. có tiềm lực kinh tế- tài chính lớn mạnh.

C. Mỹ cắt giảm dần sự bảo trợ về an ninh.

D. Tác động của cục diện Chiến tranh lạnh.

**Bài 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

1. **NHẬN BIẾT**

Câu 1: Nhân tố chủ yếu chi phối quan hệ quốc tế trong phần lớn nửa sau thế kỉ XX là

A. Cục diện “Chiến tranh lạnh”.

B. Xu thế toàn cầu hóa.

C. Sự hình thành các liên minh kinh tế.

D. Sự ra đời các khối quân sự đối lập.

Câu 2: Thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mĩ trong quá trình thực hiện “*chiến lược toàn cầu*” bởi:

A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.

B. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.

C. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.

D. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.

Câu 3: Hậu quả nặng nề, nghiêm trọng mà chiến tranh lạnh để lại là:

A. Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, đối đầu, nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới.

B. Nhiều căn cứ quân sự được thiết lập ở Đông Đức và Tây Đức.

C. Các nước phải chịu sự áp đặt của Xô-Mĩ.

D. Các nước chạy đua vũ trang.

Câu 4: Xu thế hòa hoãn Đông - Tây xuất hiện vào thời gian nào?

A. Từ đầu những năm 50 của thế kỷ XX.

B. Từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX.

C. Từ đầu những năm 70 của thế kỷ XX.

D. Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX.

Câu 5: Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện:

A. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM ) năm 1972.

B. Định ước Henxinki năm 1975.

C. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta (12-1989).

D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10-1991 ).

Câu 6: Cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mĩ ngày 11-9-2001 đã làm:

A. Trung tâm thương mại thế giới sụp đổ thiệt hại rất lớn về người và của.

B. Thủ đô Mĩ sụp đổ hoàn toàn, nhiều của cải vật chất bị phá hủy.

C. Trụ sở Liên Hợp Quốc bị phá hủy.

D. Thủ đô nước Anh bị sụp đổ.

Câu 7: Một trong những nguyên nhân Xô-Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh là:

A. Cuộc chạy đua vũ trang làm Xô- Mỹ quá tốn kém và suy giảm về nhiều mặt.

B. Nhân dân các nước thuộc địa phản đối cuộc chiến này.

C. Liên Hợp Quốc yêu cầu chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh.

D. Nhân dân thế giới phản ứng quyết liệt cuộc chiến tranh lạnh.

Câu 8: Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc“Chiến tranh lạnh”?

A. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mĩ.

B. Thông điệp của Tổng thống MĩTruman.

C. Diễn văn của ngoại trưởng MĩMacsan.

D. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống MĩRudơven.

Câu 9: Sau khi “Chiến tranh lạnh” chấm dứt, Mĩ muốn thiết lập một trật tự thế giới như thế nào?

A. Đa cực.

B. Đơn cực.

C. Đa cực nhiều trung tâm.

D. Một cực nhiều trung tâm.

Câu 10: Mĩ phát động "*chiến tranh lạnh"* nhằm mục đích:

A. Chống Liên Xô và các nước XHCN.

B. Chống Liên Xô và các nước TBCN.

C. Chống các nước TBCN trên thế giới.

D. Chống các nước TBCN phương Tây đang lớn mạnh.

Câu 11: Thế nào là “Chiến tranh lạnh”?

A. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa các nước tư bản chủ nghĩa

B. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa các nước xã hội chủ nghĩa

C. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa 2 phe tư bản chủ nghĩa-xã hội chủ nghĩa.

D. Là cuộc đối đầu căng thẳng giữa 2 phe TBCN - XHCN ở châu Âu

Câu 12: Mục tiêu của cuộc “Chiến tranh lạnh" là gì?

A. Mĩ và các nước đế quốc chống Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa.

B. Mĩ lôi kéo các nước Đồng minh của mình chống Liên Xô.

C. Chống lại ảnh hưởng của Liên Xô.

D. Phá hoại phong trào cách mạng thế giới.

**II. THÔNG HIỂU**

Câu 13: Mục đích bao quát nhất của “Chiến tranh lạnh” do Mĩ phát động là?

A. Thực hiện “chiến lược toàn cầu” làm bá chủ thế giới của đế quốc Mĩ.

B. Bắt các nước Đồng minh lệ thuộc Mĩ.

C. Ngăn chặn và tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Đàn áp phong trào cách mạng và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 14: Tháng 12-1989 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào trong các sự kiện dưới đây:

A. Mĩ và Liên Xô chính thức tuyên bố chấm dứt “Chiến tranh lạnh”. .

B. Mĩ và Liên Xô kí kết hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.

C. Mĩ và Liên Xô kí kết văn kiện hợp tác về kinh tế.

D. Mĩ và Liên Xô kí kết hợp tác về khoa học kĩ thuật.

Câu 15: Tháng 3-1947 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào trong các sự kiện dưới đây:

A. Mĩ phát động cuộc chiến tranh lạnh.

B. Mĩ thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương.

C. Mĩ đề ra kế hoạch Mácsan.

D. Mĩ thành lập tổ chức Seato.

Câu 16: Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện nào?

A. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM ) năm 1972.

B. Định ước Henxinki năm 1975.

C. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta (12-1989)

D. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10-1991 )

Câu 17: Hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển là

A. Nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.

B. Trách nhiệm của các nước đang phát triển.

C. Trách nhiệm của các nước phát triển hiện nay.

D. Vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 18. Liên Xô và Mĩ trở thành hai thế lực đối đầu nhau rồi đi đến “chiến tranh lạnh” vào thời điểm nào?

A. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

C. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 19. Sự xác lập cục diện 2 cực tạo nên bởi:

A. Học thuyết Truman của Mĩ.

B. Chiến lược toàn cầu phản cách mạng của Mĩ.

C. Sự thành lập khối quân sự NATO và hiệp ước Vácsava.

D. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.

Câu 20: Một trong những xu thế của quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng vào lĩnh vực kinh tế hiện nay là

A. hợp tác và phát triển.

B. hợp tác với các nước trong khu vực.

C. hợp tác với các nước châu Âu.

D. hợp tác với các nước đang phát triển.

**III. VẬN DỤNG THẤP**

Câu 21: Một trong những xu thế trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng để giải quyết vấn đề Biển Đông là

A. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

B. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp quân sự.

C. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp phát triển kinh tế.

D. giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp liên minh chính trị với các nước.

Câu 22: "Kế hoạch Mácsan" đã đưa tới tình trạng chiến tranh lạnh vì lí do nào dưới đây?

A. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô và Đông Âu.

B. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống các nước Đông Âu.

C. Tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô.

D. Tập hợp các nước Tây Âu chống phong trào cách mạng thế giới.

Câu 23: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô thay đổi như thế nào?

A. Từ liên minh chống phát xít chuyển sang đối đầu chiến tranh lạnh.

B. Hợp tác cùng nhau giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn

C. chuyển từ đối đầu sang đối thoại

D. Mâu thuẫn nhau gay gắt về quyền lợi

Câu 24: Một trong những chính sách giúp Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Dùng vũ lực can thiệp thô bạo đến các nước.

B. Dùng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ và Tôn giáo.

C. Sử dụng chính sách "đồng Đôla" để gây sức ép.

D. Lôi kéo, khống chế các nước đồng minh.

Câu 25: Mục tiêu chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh lạnh kết thúc là gì?

A. Thúc đẩy dân chủ trên thế giới

B. Can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác

C. Vươn lên chi phối, thiết lập trật tự thế giới đơn cực

D. Đơn phương sắp đặt và chi phối trật tự thế giới mới.

Câu 26: Định ước Henxinki là biểu hiện chứng tỏ xu thế hòa hoãn giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa vì lí do nào dưới đây?

A. Tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở châu Âu.

B. Tạo cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh thế giới.

C. Giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh châu Á.

D. Giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, chính trị châu Âu.

Câu 27. Hiệp ước Vácsava là một tổ chức:

A. Mang tính phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

B. Mang tính chạy đua vũ trang của Mĩ và Tây Âu.

C. Mang tính cạnh tranh về kinh tế giữa Mĩ và Tây Âu.

D. Mang tính liên minh phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 28. Nội dung nào sau đây không nằm trong diễn biến của Chiến tranh lạnh?

A. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Đông Nam Á.

B. Cuộc chiến tranh Triều Tiên.

C. Xung đột trực tiếp giữa hai siêu cường.

D. Xung đột ở Trung Cận Đông.

Câu 29. Chiến tranh lạnh chấm dứt đưa đến hệ quả nào?

A. Mĩ từ bỏ tham vọng làm bá chủ thế giới.

B. Vị thế của Mĩ và Liên Xô suy giảm nghiêm trọng.

C. Một cực là Liên Xô không còn, trật tự hai cực Ianta tan rã.

D. Sự giải thể của NATO, Vácsava cùng hàng loạt các căn cứ quân sự khác.

Câu 30. Tình hình thế giới sau Chiến tranh lạnh đã đặt các quốc gia trong tình thế ?

A. Phải nắm bắt thời cơ.

B. Phải tiến hành chiến tranh để xác lập vị thế của mình.

C. Phải nắm bắt thời cơ, đẩy lùi thách thức.

D. Hạn chế thách thức và vươn lên.

Câu 31. Sự kiện 11-9-2001, đã đặt nước Mĩ trong tình trạng phải đối đầu với nguy cơ.

A. Sự bất cập trong hoạt động quốc phòng và anh ninh.

B. Sự suy giảm về kinh tế.

C. Chủ nghĩa khủng bố.

D. Sự khủng hoảng nội các.

**IV. VẬN DỤNG CAO**

Câu 32. Sau thời gian tiến hành "Chiến tranh lạnh", Liên Xô và Mĩ đều bị suy giảm về vị thế vì?

A. Phải tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu và chế tạo vũ khí.

B. Sự vươn lên và cạnh tranh gay gắt của Nhật và Tây Âu.

C. Chi phí cho chạy đua vũ trang , sự cạnh tranh gay gắt của Nhật và Tây Âu.

D. Phải viện trợ cho các nước Đồng minh của mình.

Câu 33. "Chiến tranh lạnh" chấm dứt mở ra chiều hướng mới để giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột như thế nào?

A. Xuất hiện xu thế toàn cầu hóa, liên kết khu vực.

B. Vai trò của Liên Hợp Quốc được củng cố.

C. Xu thế hòa bình ngày càng được củng cố trong các mối quan hệ quốc tế.

D. Liên Xô và Mĩ không còn can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.

Câu 34. Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácsava có ý nghĩa như thế nào đến quan hệ quốc tế những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hai cường quốc về quân sự.

B. Chấm dứt mối quan hệ đồng minh giữa hai cường quốc.

C. Mở màn cho sự xác lập của hàng loạt các tổ chức quân sự trên thế giới.

D. Đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe.

Câu 35. Sau "Chiến tranh lạnh", dưới tác động của cách mạng khoa học- kĩ thuật, hầu hết các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển với việc.

A. Lấy quân sự làm trọng điểm

B. Lấy chính trị làm trọng điểm

C. Lấy kinh tế làm trọng điểm.

D. Lấy văn hoá, giáo dục làm trọng điểm.

Câu 35. Những năm 1989 - 1991 đã diễn ra sự kiện gì gắn với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội *ở* Liên Xô và các nước Đông Ảu?

A. Liên Xô và các nước Đồng Âu cắt đứt quan hệ với nhau.

B. Liên Xô và các nước Đồng Âu lâm vào tình trạng trì trệ.

C. Chế độ xã hội chủ nghĩa *ở* Liên Xô và Đông Âu bước vào thời kì ổn định.

D. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên bang Xô viết bị tan rã.

Câu 36. Học thuyết Truman vừa mới ra đời đã vấp phải sự phản kháng của thế giới vì lí do nào dưới đây?

A. Vì bản chất phi nghĩa của học thuyết.

B. Vì bản chất chống cộng của học thuyết.

C. Vì bản chất bành trướng của học thuyết.

D. Vì bản chất đe doạ nền hòa bình của học thuyết đối với nhân loại.

Câu 37. Nước nào dưới đây không có trong 11 nước gianhập khối NATO năm 1949 do Mĩ cầm đầu?

A. Đan Mạch, Na Uy, Bồ Đào Nha.

B. Anh, Pháp, Hà Lan.

C. Đức, Tây Ban Nha, Hi Lạp.

D. I-ta-li-a, Bỉ, Lúc-xăm-bua.

Câu 38: Sự kiện có ảnh hưởng lớn nhất đến tâm lý của người dân nước Mỹ trong những năm đầu thế kỷ XXI là gì?

A. Di chứng từ cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam

B. Sự sa lầy của quân đội Mỹ trên chiến trường Irắc

C. Vụ khủng bố ngày 11-9-2001 tại Trung tâm thương mại Mỹ

D. Tổng thống Mỹ- Kennơđi bị ám sát

Câu 39: Trong xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay, Việt Nam có những thời cơ gì?

A. Ứng dụng các thành tựu KH-KT vào sản xuất.

B. Nâng cao trình độ tập trung vốn và lao động.

C. Có được thị trường lớn để tăng cường xuất khẩu hàng hóa.

D. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng KH-KT.

**Bài 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC-CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA**

1. **NHẬN BIẾT**

Câu 1.Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng khoa học hiện đại ngày nay là do

A. bùng nổ dân số, tài nguyên cạn kiệt thiên nhiên.

B. kế thừa cuộc cách mạng công nghiệp ở thế kỉ XVII.

C. yêu cầu của việc chạy đua vũ trang trong thời kì "chiến tranh lạnh".

D. đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng cao.

Câu 2. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học công nghệ là

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Nhật Bản.

D. Trung Quốc.

Câu 3. Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật bắt nguồn từ

A. những năm 40 của thế kỉ XX .

B. những năm 50 của thế kỉ XX.

C. những năm 60 của thế kỉ XX .

D.những năm 70 của thế kỉ XX. .

Câu 4. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ dã giải quyết được những vấn dề gì khi tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt?

A. Cải tiến phương tiện sản xuất.

B. Đẩy mạnh các phát minh cơ bản.

C. Tìm ra các nguồn năng lượng mới.

D. Đẩy mạnh tự động hóa trong sản xuất.

Câu 5. Từ 1973 đến nay cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. Cách mạng công nghệ.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. cách mạng trắng trong nông nghiệp.

D. cách mạng xanh trong nông nghiệp.

Câu 6. Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại cuối thế kỉ XX gọi là cách mạng khoa học công nghệ gì?

A. Tạo ra nguồn năng lượng mới.

B. Phát triển về công nghệ sinh học.

C. Tạo ra nhiều vật liệu mới ứng dụng trong đời sống.

D. Cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học kĩ thuật.

Câu 7. Từ những năm 40 của TK XX, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ diễn ra vì lí do nào dưới đây?

A. Nhu cầu ngày càng cao về cuộc sống và sản xuất của con người.

B. Sự vơi cạn nghiêm trọng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

C. Nhu cầu phục vụ cho chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Sự bùng nổ dân số thế giới.

Câu 8. Đặc điểm điểm cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay là gì?

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

B. Các phát minh kĩ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng.

C. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

D.Diễn ra trên nhiều nhiều lĩnh vực với qui mô lớn với tốc độ nhanh.

Câu 9. Hạn chế cơ bản nhất của cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Gây ra tai nạn lao động , tai nạn giao thông.

B. Nạn khủng bố phổ biến, tình hình thế giới căng thẳng.

C. Nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân hủy diệt loài người.

D. Gây ra ô nhiễm môi trường, tai nạn, bệnh tật mới, vũ khí hủy diệt loài người.

Câu 10. Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

A. sự phát nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại tài chính quốc tế.

C. sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

D. sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động phụ thuộc lẫn nhau của các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Câu 11. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

A. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.

B. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

C. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

D.sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 12.Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

A.Sự tăng lên mạnh mẻ quan hệ thương mại quốc tế

B. Sự hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

C. Sự tác động mạnh mẻ của các công ty, tập đoàn lớn trên thế giới.

D. Tăng lên mạnh mẽ sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Câu 13. Xu thế toàn cầu hóa tạo ra hiện tượng gì?

A. Xung đột dân tộc, sắc tộc.

B. Tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia.

C.Sự bất công xã hội, phân hóa giàu nghèo.

D. Mâu thuẫn giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Câu 14. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

A. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

B. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.

C. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.

D.Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 15. Tổ chức nào dưới đây là tổ chức liên kết kinh tế thương mại lớn nhất thế giới?

A. WTO

B. APEC

C. ASEM

D. NAFTA

**II. THÔNG HIỂU:**

Câu 16. Đặc trưng cơ bản của cách mạng kĩ thuật hiện đại là gì?

A. Cải tiến việc tổ chức sản xuất.

B. Cải tiến việc quản lí sản xuất.

C. Cải tiến việc phân công lao động.

D. Cải tiến, hoàn thiện những công cụ sản xuất.

Câu 17. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

D. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.

Câu 18. Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là

A. do sự bùng nổ dân số trên thế giới.

B. do yêu cầu của cuộc sống con người.

C. yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.

D. nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày cang cao của con người.

Câu 19. Tại sao gọi là cách mạng khoa học công nghệ?

A. Cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra về kĩ thuật.

B. Với sự ra đời của các loại máy móc tiên tiến.

C. Với sự ra đời của hệ thống các công trình kĩ thuật.

D. Công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học kĩ thuật.

Câu 20.Điểm khác biệt giữa cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại nữa sau thế kỉ XX với cách mạng khoa học công nghiệp thế kỉ XVIII là gì?

A. Khoa học gắn liền với kĩ thuật.

B. Có nhiều phát minh lớn cho nhân loại.

C. Kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.

D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 21. Đứng trước tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên con người cần dựa vào nhân tố nào sau đây?

A. Hệ thống máy tự động.

B. Công cụ sản xuất mới.

C. Nguồn năng lượng tái tạo.

D. Nguồn năng lượng mới, vật liệu mới.

Câu 22. Nguồn gốc sâu xa dẫn tới cuộc cách mạng công nghiệp ở TK XVIII và cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại là gì?

A. yêu cầu của sản xuất và đời sống của con người.

B. Yêu cầu của chiến tranh và sản xuất.

C. Sự bùng nổ dân số và ô nhiểm môi trường.

D. Sự vơi cạn nguồn tài nguyên và sản xuất.

Câu 23. Nhận xét nào dưới đây là đúng về hạn chế chủ yếu nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Chế tạo vũ khí hiện đại có sức công pha và hủy diệt lớn.

B. Gây nên những áp lực lớn trong công việc của người lao động.

C. Phát minh ra nhiều máy móc đe dọa đến sự mất việc làm của con người

D. Nạn khủng bố gây nên tình trạng căng thẳng

Câu 24. Cuộc cách mạng xanh diễn ra trong lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp

B. Khoa học cơ bản

C. Công nghệ thông tin.

D. Thông tin liên lạc và giao thông.

Câu 25. Một trong những tác động của của cách mạng khoa hoc –kĩ thuật hiện đại đối với thế giới là gì?

A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ quốc tế.

B. Sự phát triển và tác động của các công ty xuyên quốc gia.

C. Sự ra đời các tổ chức liên kết kinh tế, chính trị quốc tế.

D .Hình thành xu thế toàn cầu hóa.

Câu 26. Hệ quả quan trọng của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại là

A. diễn ra xu thế toàn cầu hóa.

B. diễn ra xu thế hòa hoãn, hợp tác.

C. diễn ra xu thế hợp tác phát triển.

D. diễn ra sự phát triển vượt bậc về khoa học.

Câu 27. Toàn cầu hóa ra đời là

A. xu thế phát triển xã hội.

B. xu thế phát triển của nhân loại.

C. xu thế chủ quan không thể đảo ngược.

D. xu thế khách quan không thể đảo ngược.

Câu 28. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật hiện đại được gọi là cách mạng khoa học công nghệ vì lý do nào dưới đây?

A. Cuộc cách mạng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực.

B. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

C.Cuộc cách mạng diễn ra trên lĩnh vực công nghệ thông tin.

D. Công nghệ trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học – kĩ thuật.

Câu 29. Nhận xét nào dưới đây là hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

A. Tạo nên sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế.

B. Sự ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và giữa các nước.

C. Làm thay đổi về cơ cấu dân cư và chất lượng nguồn nhân lực.

D. Đẩy nhanh sự phân hóa về lực lượng sản xuất trong xã hội.

Câu 30. Biểu hiện nào dưới đây không phải là xu thế toàn cầu hóa?

A. Sự ra đời của các ngân hàng lớn trên thế giới.

B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

D. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

**III. VẬN DỤNG THẤP**

Câu 31*.* Sự sáp nhập và hợp nhất các công ti thành những tập đoàn lớn nhằm mục tiêu gì?

A. Đẩy mạnh xu hướng toàn cầu hoá.

B.Tăng nhanh sự phát triển của công ti.

C. Thắt chặt quan hệ thương mại quốc tế.

D. Tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Câu 32. Ý nghĩa then chốt, quan trọng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

A. Tạo ra khối lượng hàng hóa đồ sộ.

B. Đem lại sự tăng trưởng cao về kinh tế.

C. Sự giao lưu quốc tế ngày càng được mở rộng.

D. Thay đổi một cách cơ bản các nhân tố sản xuất.

Câu 33. Một trong những điểm khác nhau cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại so với cuộc cách mạng công nghiệp ở TK XVIII là gì?

A. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống.

B. Mọi phát minh kĩ thuật điều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

C. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn sản xuất.

D. Mọi phát minh kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

Câu 34. Cách mạng khoa học – kĩ thuật đặt ra cho các dân tộc yêu cầu gì cho sự sinh tồn của trái đất?

A. bảo vệ môi trường sinh thái.

B. bảo vệ nguồn năng lượng sẳn có.

C.bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

D. bảo vệ nguồn sống con người.

Câu 35. Do đâu chất lượng cuộc sống của con người được nâng cao?

A. Do áp dụng khoa học kĩ thuật.

B. Do học hỏi các nước phát triển.

C. Do tác động của tiến bộ kĩ thuật.

D. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

Câu 36. Để tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước các công ty khoa học kĩ thuật cần?

A. phát triển nhanh chống về mọi mặt.

B. sự phát triển tác động của các công ty xuyên quốc gia.

C. sự phát triển nhanh chống của các công ty thương maị quốc tế.

D. sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

**IV. VẬN DỤNG CAO**

Câu 37. Vấn đề nào sau đây có ý sống còn đối với Đảng và nhân dân ta?

A. Nắm bắt thời cơ hội nhập quốc tế.

B. Tận dụng nguồn vốn từ bên ngoài.

C. Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

D. Nắm bắt thời cơ vượt qua thách thức phát triển mạnh mẽ trong thời kì mới.

Câu 38. Do đâu mọi mặt hoạt động và đời sống của con người kém an toàn?

A. Do sự chủ quan của con người.

B. Do trình độ khoa học kĩ thuật kém.

C. Do tác động của xu thế toàn cầu hóa.

D. Do không bắt kịp nhịp phát triển của quốc tế.

Câu 39*.* Thương mại quốc tế tăng lên mạnh mẻ đã phản ánh vấn đề nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới ngày càng cao.

B. Thu nhập quốc dân của tất cả các nước trên thế giới tăng.

C. Nền kinh tế các nước trên thế giới quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau.

D. Các công ti xuyên quốc gia đẩy mạnh hoạt động ở các nước đang phát triển.

Câu 40.Việc tồn tại của toàn cầu hoá là

A. sự bùng nổ tức thời của kinh tế thế giới.

B. xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược.

C. xu thế chủ quan của các cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới.

D. sự tồn tại tạm thời trong quá trình phát triển nhanh của thương mại quốc tế.

Câu 41. Xu thế toàn cầu hóa thách thức lớn nhất Việt Nam phải đối mặt là gì?

A. Sự cạnh tranh quyết liệt từ thị trường quốc tế.

B. Trình độ của người lao động còn thấp.

C. Chưa tận dụng tốt nguồn vốn và kĩ thuật từ bên ngoài.

D. Trình độ quản lí còn thấp.

Câu 42*.* Trong giai đoạn hiên nay để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế nước ta cần phải làm gì?

A. Thành lập các công ty lớn.

B. Tiến hành cải cách sâu rộng.

C. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. Khai thác tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế.

Câu 43.Cơ hội lớn nhất của nước ta trước xu thế toàn cầu hoá là gì?

A. Nhập khẩu hàng hoá với giá thấp.

B. Tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài.

C. Xuất khẩu được nhiều mặt hàng nông sản ra thế giới.

D. Tiếp thu thành tựu của cách mạng khoa học- công nghệ.

**BÀI 12: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM**

**TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925**

I. NHẬN BIẾT

Câu 1. Trong chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp giai cấp tư sản ở Việt Nam bị phân hóa như thế nào?

A. Tư sản dân tộc và tư sản thương nghiệp.

B. Tư sản dân tộc và tư sản công nghiệp.

C. Tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

D. Tư sản dân tộc và tư sản công thương.

Câu 2. Sự kiện nào dưới đây gắn với hoạt động của Nguyễn Ái Quốc khi ở Liên Xô?

A. Tham dự đại hội lần IV của Quốc tế cộng sản.

B. Tham dự đại hội lần V của Quốc tế cộng sản.

C. Tham dự đại hội lần VI của Quốc tế cộng sản.

D. Tham dự đại hội lần VII của Quốc tế cộng sản.

Câu 3. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào?

A. Ngoại thương.

B. Công nghiệp nặng.

C. Nông nghiệp và khai mỏ.

D. Giao thông vận tải.

Câu 4. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp giai cấp Địa chủ Việt Nam đã phân hóa như thế nào?

A. Đại địa chủ và trung, tiểu địa chủ.

B. Đại địa chủ và trung địa chủ.

C. Đại địa chủ và tiểu địa chủ

D. Địa chủ vừa và nhỏ.

Câu 5. Giai cấp tiểu tư sản gồm những thành phần nào?

A. Tiểu thương, tiểu chủ, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên.

B. Viên chức trong công sở của Pháp, quan lại của triều đình phong kiến.

C. Tiểu thương, tiểu chủ, tiểu nông.

D. Học sinh sinh viên, viên chức, trí thức.

Câu 6. Trong nửa đầu những năm 20 của thế kỉ XX, tác phẩm nổi tiếng nào của Nguyễn Ái Quốc được xuất bản?

A. Nhật kí trong tù.

B. Cương lĩnh chính trị.

C. Bản án chế độ thực dân Pháp.

D. Đường Kách Mệnh

Câu 7. Trong thời gian ở Liên Xô từ 1923 – 1924, Nguyễn Ái Quốc đã tham dự những Đại Hội, Hội nghị quốc tế nào?

A. Hội nghị quốc tế công nhân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần V.

B. Hội nghị quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần V.

C. Hội nghị quốc tế nông dân, Đại hội Quốc tế cộng sản lần III.

D. Hội nghị quốc tế phụ nữ, Đại hội Quốc tế cộng sản lần IV.

Câu 8. Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước của Angiêri, Marốc, Tuynidi, . . . lập ra tổ chức nào?

A. Hội liên hiệp thuộc địa

B. Tổ chức Những người Cộng sản.

C. Tổ chức Những người Vô sản.

D. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 9. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất mâu thuẫn nào trở thành mâu thuẫn cơ bản ở ba nước Đông Dương?

A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản.

C. Mâu thuẫn giữa nông dân, công nhân Đông Dương với Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Dương với thực dân Pháp.

Câu 10. Sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

A. Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11/1917).

B. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vécxai (6/1919).

C. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12/1920).

D. Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế.

Câu 11. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam?

A. Nông dân.

B. Tư sản dân tộc.

C. Địa chủ.

D. Công nhân

Câu 12. Phong trào nào dưới đây là phong trào đấu tranh tiêu biểu của tiểu tư sản?

A. "Chấn hưng nội hóa".

B. "Bài trừ ngoại hóa".

C. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.

D. Đòi Pháp trả tự do cho Phan Bội Châu.

II. THÔNG HIỂU

Câu 13. Vì sao thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

A. Để phát triển kinh tế Pháp.

B. Để bù đắp những thiệt hại do Chiến tranh thế giới lần thứ nhất gây ra.

C. Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

D. Để thu được nhiều lợi nhuận.

Câu 14. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, thái độ chính trị của giai cấp tư sản dân tộc như thế nào ?

A. Có thái độ kiên quyết trong việc đấu tranh chống Pháp.

B. Có thái độ không kiên quyết đễ thỏa hiệp khi Pháp mạnh.

C. Có tinh thần đấu tranh cách mạng triệt để.

D. Có thái độ phản đối đấu tranh cách mạng.

Câu 15. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son (8-1925) là một mốc quan trọng trên con đường phát triển của phong trào công nhân Việt Nam vì

A. đã ngăn cản được tàu chiến Pháp chở lính sang đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân và thủy thủ Trung Quốc.

B. đánh dấu tư tưởng Cách mạng tháng Mười mới được giai cấp công nhân Việt Nam tiếp thu.

C. sau cuộc bãi công của công nhân Ba Son có rất nhiều cuộc bãi công của công nhân Chợ Lớn, Nam Định, Hà Nội…tổng bãi công.

D. đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, giai cấp công nhân nước ta từ đây bước vào đấu tranh tự giác.

Câu 16. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam?

A. Gửi bản yếu sách 8 điểm đến hội nghị Véc xai (1919).

B. Đọc bản sơ thảo luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê Nin (7/1920)

C. Lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pa ri (1921)

D. Sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ( 6/1925).

Câu 17. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân.

B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến.

D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 18. Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật cao, gắn bó với nền sản xuất hiện đại, có mối quan hệ gắn bó với nông dân?

A. Tư sản.

B. Công nhân.

C. Tiểu tư sản.

D. Địa chủ phong kiến.

Câu 19. Vì sao Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ III?

A. Quốc tế này bênh vực cho quyền lợi các nước thuộc địa.

B. Quốc tế này giúp nhân dân ta đấu tranh chống Pháp.

C. Quốc tế này đề ra đường lối cho Cách mạng Việt Nam.

D. Quốc tế này chủ trương thành lập mặt trận giải phóng dân tộc Việt Nam.

Câu 20. Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh.

A. Chủ nghĩa Mác Lênin được truyền bá sâu rộng.

B. Ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.

D. Chủ nghĩa tư bản trên đà suy yếu.

Câu 21. Giai cấp công nhân Việt Nam xuất thân chủ yếu từ đâu?

A. Giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Giai cấp tiểu tư sản bị chèn ép.

D. Thợ thủ công bị thất nghiệp.

D. Thành lập Đảng lập hiến để tập hợp lực lượng quần chúng.

Câu 22. Thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, vì sao Pháp đầu tư nhiều vào khai thác mỏ than trong lĩnh vực công nghiệp?

A. Vì than là nguồn năng lượng cần cho chính quốc và thế giới.

B. Vì khai thác than dễ.

C. Vì Việt Nam có trữ lượng than lớn.

D. Vì khai thác than thu được nhiều lợi nhuận.

Câu 23: Trong chính sách thương nghiệp, thực dân Pháp đã đánh thuế nặng hàng hóa nước ngoài vì muốn

A. tạo sự cạnh tranh hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

B. cản trở sự xâm nhập của hàng hóa nước ngoài.

C. độc quyền chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.

D. tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

Câu 24. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

A. Vì phải đầu tư nhiều tiền.

B. Vì phải đầu tư nhiều kĩ thuật.

C. Vì Pháp chỉ muốn biến Việt Nam thành căn cứ quân sự cho Pháp.

D. Vì muốn kinh tế Việt Nam không phát triển và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

III. VẬN DỤNG THẤP

Câu 25. Điểm khác biệt trong quá trình đi tìm chân lí cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với lớp người đi trước là Người

A. đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

B. đi sang châu Mĩ tìm đường cứu nuớc.

C. đi sang châu Phi tìm đường cứu nước.

D. đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 26. Những việc làm nào sau đây của Nguyễn Ái Quốc chứng minh từ một người yêu nước chân chính Bác đã trở thành người cộng sản?

A. Gửi yêu sách đến hội nghị Vec – xay, thành lập hội liên hiệp thuộc địa

B. Viết “Bản án chế độ thực dân Pháp”, báo “Sự Thật”, …

C. Đọc sơ thảo luận cương của Lê Nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

D. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế cộng sản và sáng lập Đảng cộng sản

Câu 27. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của đế quốc Pháp ở Việt Nam có điểm gì mới ?

A. Tăng cường vốn đầu tư vào tất cả các ngành kinh tế.

B. Cướp đoạt toàn bộ rụông đất của nông dân lập đồn điền trồng cao su.

C. Hạn chế sự phát triển các ngành công nghiệp nhất là công nghiệp nặng.

D. Qui mô khai thác lớn hơn, triệt để hơn, xã hội bị phân hóa sâu sắc.

Câu 28. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân chủ quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai 1919-1926 cuối cùng bị thất bại?

A. Hệ tư tưởng dân chủ tư sản đã trở nên lỗi thời, lạc hậu.

B. Thực dân Pháp còn đang mạnh nên đủ sức đàn áp phong trào.

C. Do những yếu kém của tư sản dân tộc, sự bấp bênh của tiểu tư sản.

D. Do chủ nghĩa Mác - Lê Nin chưa được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

Câu 29. Trong những nguyên nhân sau đây, nguyên nhân nào là nguyên nhân khách quan làm cho phong trào yêu nước dân chủ công khai 1919-1926 cuối cùng bị thất bại?

A. Tầng lớp tiểu tư sản còn bấp bênh.

B. Thực dân Pháp còn đang mạnh nên đủ sức đàn áp phong trào.

C. Giai cấp tư sản dân tộc do yếu kém về kinh tế, chính trị.

D. Do các phong trào chưa liên kết với nhau.

Câu 30. Mục tiêu chính của phong trào yêu nước dân chủ công khai trong những năm 1919 – 1925 là

A. đòi một số quyền lợi về kinh tế và các quyền tự do dân chủ.

B. chống bọn tư bản Pháp nắm độc quyền xuất cảng lúa gạo.

C. đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội châu.

D. thành lập Đảng Lập hiến tập hợp lực lượng quần chúng chống Pháp.

Câu 31. So với giai cấp công nhân quốc tế, công nhân Việt Nam có đặc điểm riêng nào sau đây?

A. Bị ba tầng áp bức bóc lột.

B. Ra đời cùng lúc với giai cấp tư sản.

C. Làm việc tại những thành phố lớn.

D. Bị giai cấp tư sản bóc lột.

Câu 32. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của nông dân Việt Nam?

A. Chiếm số đông trong xã hội.

B. Là lực lượng đông đảo của cách mạng.

C. Bị bần cùng hóa trên qui mô lớn.

D. Có trình độ cao.

Câu 33. Sự kiện nào sau đây không tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Việt Nam?

A. Quốc tế Cộng sản được thành lập (2/1919).

B. Đảng Cộng sản Pháp ra đời (1920).

C. Đảng Cộng sản Trung Quốc ra đời (1921).

D. Pháp thực hiện chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (từ 1919).

Câu 34. Sự kiện nào thể hiện: “Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam".

A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (8/1925).

B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7/1920).

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Diện (Quảng Châu) (6/1924).

D. Nguyễn Ái Quốc gởi yêu sách đến Hội nghị Vécxai (1919).

Câu 35. Trong những năm 1919 - 1925 có sự kiện lịch sử nào tiêu biểu gắn với họat động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Nguyễn Ái Quốc tìm đến Cách mạng tháng Mười Nga.

B. Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

C. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai.

D. Nguễn Ái quốc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa.

Câu 36. Vạch trần chính sách đàn áp bóc lột dã man của chủ nghĩa đế quốcnói chung và đế quốc Pháp nói riêng, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức nổi dậy. Đó là nội dung trong tờ báo nào của Nguyễn Ái Quốc?

A. Đời sống công nhân.

B. Nhân đạo.

C. Người cùng khổ.

D. Tạp chí Thư tín quốc tế.

IV. VẬN DỤNG CAO

Câu 37. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của phong trào công nhân trong những năm 1919 - 1925 là

A. đòi quyền lợi về kinh tế.

B. đòi quyền lợi về chính trị.

C. đòi quyền lợi về kinh tế và chính trị.

D. chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

Câu 38. Xác định công lao dầu tiên to lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam trong những năm 1911 – 1930.

A. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. Thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

C. Hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

D. Khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 39. Tác dụng trong quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1919 đến 1925 là gì?

A. Quá trình chuẩn bị tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày 3/2/1930.

B. Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Quá trình thành lập ba tổ chức Cộng sản ở Việt Nam.

D. Quá trình thực hiện chủ trương “ Vô sản hóa”.

Câu 40. Thủ đoạn thâm độc nhất của thực dân Pháp trong lĩnh vực nông nghịêp ở Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Đánh thuế nặng vào các mặt hàng nông sản.

B. Tước đoạt ruộng đất của nông dân.

C. Bắt nông dân đi phu phen, tạp dịch.

D. Không cho nông dân tham gia sản xuất.

Câu 41: Trong các đặc điểm sau đây, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

A. Bị ba tầng áp bức của đế quốc, phong kiến, tư sản dân tộc.

B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.

C. Kế thừa truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

D. Sớm tiếp thu tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài, nhất là chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 42. Tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” tại Pari năm 1925 đã trở nên nổi tiếng vì

A. đây là một tác phẩm được nhiều người đọc và biết đến.

B. đây là một tác phẩm chính do Nguyễn Ái Quốc viết.

C. đây là tác phẩm lên án tội ác của thực dân Pháp và kêu gọi đấu tranh.

D. đây là tác phẩm đã làm cho thực dân Pháp hoảng sợ.

Câu 43: Nhà thơ Chế Lan Viên viết: "Phút khóc đầu tiên là phút Bác Hồ cười". Câu thơ đó nói lên cảm xúc của Nguyễn Ái Quốctrong hoàn cảnh nào ?

A. Bác Hồ đọc sơ thảo luận cương của Lênin.

B. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước.

C. Bác Hồ đọc tuyên ngôn độc lập.

D. Bác Hồ đưa yêu sách đến Hội nghị Vecxai.

Câu 44. Điểm nổi bật để xác định vai trò nòng cốt của giai cấp tiểu tư sản trong phong trào cách mạng Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

A. Khả năng tiếp thu nhanh chóng khuynh hướng cách mạng mới, tiến bộ.

B. Có trình độ cao và lực lượng đông đảo.

C. Có khả năng phối hợp với các giai cấp khác.

D. Có điều kiện sống và làm việc ở nhiều nơi.

Câu 45. Ưu điểm trong phong trào đấu tranh của tư sản và tiểu tư sản những năm 1919 – 1925 là

A. tích cực chống Pháp và thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân.

B. tích cực chống địa chủ phong kiến và thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân.

C. tích cực chống địa chủ phong kiến và kêu gọi nhân dân đấu tranh.

D. tích cực chống Pháp và địa chủ phong kiến.

**BÀI 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM**

**TỪ NĂM (1925 - 1930)**

**I. NHẬN BIẾT**

Câu 1. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt và Điều lệ vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng được xem là

A. văn kiện của Đảng.

B. tài liệu chính trị đặc biệt của Đảng.

C. nghị quyết của Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 2 . Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là gì ?

A. Đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

B. Đánh đổ phong kiến, tay sai, phát triển theocon đường tư bản chủ nghĩa.

C. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến, làm cho Việt Nam được độc lập tự do.

D. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Câu 3. Lực lượng của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng bao gồm

A. công nhân, nông dân, đại địa chủ phong kiến, tư sản mại bản.

B. công nhân, tư sản dân tộc, trí thức, phú nông.

C. công nhân, nông dân và địa chủ yêu nước, trung và tiểu địa chủ.

D. công - nông, tiểu tư sản, trí thức, phú nông, trung tiểu địa chủ, tư sản dân tộc.

Câu 4. Các tổ chức nào dưới đây đã tham dự Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản đầu năm 1930?

A. Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng.

B. Đông Dương Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

C. An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

D. Tân Việt Cách mạng đảng, An Nam Cộng sản đảng.

Câu 5. Chương trình hành động của Việt Nam Quốc dân đảng được công bố năm 1929 đã xác định tư tưởng cốt lõi của tổ chức là gì?

A. Độc lập và tự do.

B. Độc lập và dân chủ.

C. Tự do, bình đẳng, bác ái.

D. Thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.

Câu 6. Tổ chức nào dưới đây là hạt nhân đưa tới sự ra đời của Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929)?

A. Hội Việt Nam Nghĩa đoàn.

B. Tân Việt Cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng.

D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Câu 7. Sự kiện dưới đây diễn ra tại nhà số 5D phố Hàm Long -Hà Nội (3-1929)?

A. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.

B. Thành lập Đông dương Cộng Sản liên đoàn.

C. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời.

D. Đại hội lần thứ nhất của Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên.

Câu 8. Khởi nghĩa Yên Bái (02-1930) thất bại đã chứng tỏ điều gì?

A. vẫn tiếp tục hoạt động và gây ảnh hưởng lớn ở Bắc kì.

B. đi vào hoạt động bí mật chờ thời cơ để tiếp tục khởi nghĩa.

C. Việt Nam Quốc dân Đảng chấm dứt ảnh hưởng với cách mạng Việt Nam.

D. đã thoả hiệp với Pháp chống lại phong trào cách mạng của ta.

Câu 9. Tháng 6 năm 1925 đã diễn ra sự kiện nào dưới đây?

A. Tổ chức Tâm tâm xã ra đời.

B. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập.

C. Sự ra đời của tổ chức Tân việt cách mạng đảng.

D. Sự thành lập tổ chức Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 10. Tác phẩm nào dưới đây là cơ quan ngôn luận của hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

A. Báo Thanh Niên.

B. Đường Cách Mệnh.

C. Bản án chế độ thực dân.

D. Báo Người cùng khổ.

Câu 11. Tác phẩm nào dưới này tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc tại các lớp huấn luỵên đào tạo cán bộ cách mạng ?

A. Nhật kí trong tù.

B. Đường Cách mệnh.

C. Hồ Chí Minh toàn tập.

D. Bản án chế độ thực dân Pháp.

Câu 12. Thành phần tham gia chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên từ năm 1925-1927 là

A. tiểu thương, tiểu chủ, thanh niên nghèo thành thị.

B. trung, tiểu địa chủ có tinh thần dân tộc..

C. học sinh,sinh viên,trí thức Việt Nam yêu nước.

D. học sinh,sinh viên, viên chức,trí thức Việt Nam..

**II. THÔNG HIỂU**

Câu 13. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản 3.2.1930 thể hiện như thế nào?

A. Đào tạo thanh niên giác ngộ cách mạng.

B. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

C. Soạn thảo Luận cương chính trị đầu tiên để Hội nghị thông qua.

D. Chủ trì Hội nghị, soạn thảo Chính cương, Sách lược vắn tắt.

Câu 14. Đại biểu của tổ chức cộng sản nào dưới đây không tham dự Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930?

A. Đông Dương Cộng sản Đảng.

B. An Nam Cộng sản Đảng.

C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

D. An Nam cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 15. Lực lượng chủ yếu của cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là

A. công nhân và nông dân.

B. công nhân, tư sản mại bản, địa chủ.

C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và địa chủ phong kiến.

B. Công nhân, nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông.

Câu 16. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam?

A. Đông Dương Cộng sản đảng.

B. thành lập An Nam Cộng sản đảng.

C. thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 17. Khởi nghĩa Yên Bái (9-2-1930) nổ ra trong bối cảnh nào dưới đây?

A. Bị động nhiều đảng viên của đảng bị thực dân Pháp bắt bớ, tù đày.

B. Tổ chức chưa có sự chuẩn bị chu đáo, thực dân Pháp còn mạnh.

C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đang chuẩn bị khởi nghĩa.

D. Đảng Tân Việt đang gây ảnh hưởng lớn để lôi kéo phong trào cách mạng.

Câu 6. Mục tiêu hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng (27-12-1927) là gì?

A. Đánh đuổi thực dân Pháp xoá bỏ ngôi vua.

B. Đánh đuổi thực dân Pháp thiếp lập dân quyền.

C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

D. đánh đổ ngôi vua, đánh duổi giặc Pháp lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 18. Năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phân hoá thành tổ chức cộng sản nào sau đây ?

A. Đảng Tân Việt và Đông Dương Cộng sản liên đoàn

B. Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng

C. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đông Dương Cộng sản đảng

D. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn

Câu 19. Chủ trương đấu tranh cách mạng của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng đưa ra là gì?

A. Chủ trương đấu tranh theo xu hướng cách mạng vô sản.

B. Tiến hành đánh đuổi thực dân Pháp thiết lập dân quyền, dân chủ.

C. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh đánh đổ đế quốc Pháp để cứu lấy mình.

D. Tiến hành bạo lực cách mạng, binh lính Việt giác ngộ làm chủ lực.

Câu 20. Mục đích hoạt động cơ bản của tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên khi ra đời là

A. tập hợp quần chúng đấu tranh.

B. truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê Nin.

C. xây dựng cơ sở trong quần chúng.

D. lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Pháp, tay sai.

Câu 21. Hoạt động tiêu biểu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên khi mới ra đời là

A. tập hợp lực lượng.

B. xây dựng cơ sở trong nước.

C. xây dựng cơ sở trong kiều bào.

D. mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng.

Câu 22. Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á đông đã đề ra chủ trương nào dưới đây?

A. Tiến hành cách mạng bằng bạo lực, xây dựng chính thể Cộng hòa.

B. Thực hiện phong trào “vô sản hóa” đoàn kết các dân tộc chống đế quốc thực dân.

C. Liên lạc các dân tộc bị áp bức thực hiện phong trào cách mạng, đánh đổ đế quốc.

D. Lãnh đạo quần chúng trong nước liên lạc các dân tộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 23. Sau khi dự lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ ở Quảng Châu học viên ưu tú Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tiếp tục thực hiện nhiệm vụ gì dưới đây ?

A. Xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm.

B. Được cử đi học ở một số trường tại Trung Quốc, Liên Xô.

C. Bí mật về Việt Nam truyền bá lí luận giải phóng dân tộc.

D. Tập hợp xây dựng lực lượng cho cuộc đấu tranh chống Pháp.

Câu 24. Lí luận nào dưới đây được Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên truyền bá về Việt Nam?

A. Lí luận Mác-Lênin.

B. Lí luận đấu tranh giai cấp.

C. Lí luận cách mạng vô sản.

D. Lí luận giải phóng dân tộc

Câu 25. Tổ chức nào dưới đây được xem là tiền thân của Đảng cộng sản?

A. Tâm tâm xã.

B. Tân việt cách mạng đảng.

D. Việt Nam quốc dân đảng.

C. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

**III. VẬN DỤNG THẤP**

Câu 26.Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến cuộc Khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) thất bại?

A. Đế quốc Pháp còn mạnh.

B. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo.

C. Khởi nghĩa nổ ra hoàn toàn bị động.

D. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu.

Câu 27. Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập tháng 12/1927 là chính đảng của giai cấp nào ?

A. Tư sản Việt Nam.

B. Vô sản Việt Nam.

C. Nông dân Việt Nam.

D. Tiểu tư sản trí thức.

Câu 28. Nội dung nào dưới đây phản ánh ý nghĩa lịch sử lớn nhất của cuộc khởi nghĩa Yên Bái ?

A. Cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù của nhân dân ta với bè lũ cướp nước và tay sai.

B. Thể hiện vai trò lành đạo cách mạng của giai cấp tư sản dân tộc.

C. Nối tiếp truyền thống yêu nước của giai cấp tư sản.

D. Đáp ứng một phần yêu cầu của nhiệm vụ dân tộc của nhân dân ta.

Câu 29.Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản

A. là bước ngoặt của phong trào cách mạng Việt Nam.

B. là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

B. là xua thế khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc.

D. là bước chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của chính đảng cộng sản sau này.

Câu 30. Tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Áí Quốc soạn thảo là gì ?

A. Tư tưởng độc lập, tư do.

B. Tư tưởng dân chủ và tự do.

C. Tư tưởng bình đẳng, bác ái.

D. Độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày.

Câu 31. Điểm khác nhau cơ bản giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên và Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng là gì ?

A. Xác định lực lượng cách mạng Việt Nam.

B. Xác định nhiệm vụ và lực lượng cách mạng.

C. Xác định vị trí cách mạng Việt Nam.

D. Xác định chiến lược cách mạng Việt Nam.

Câu 32. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của nhân tố nào dưới đây ?

A. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào yêu nước.

B. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào công nhân.

C. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào đấu tranh của nhân dân.

D. Chủ nghĩa Mac-Lê nin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân.

Câu 33. Chiến lược cơ bản của cách mạng Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc trình bày trong tài liệu nào dưới đây?

A. Tạp chí thư tín quôc tế.

B. Bản án chế độ thực dân.

C. Báo Người cùng khổ.

D. Tác phẩm Đường cách mệnh.

Câu 34. Nội dung nào dưới đây thể hiện đúng vai trò của phong trào “vô sản hóa” (1928)?

A. thúc đẩy công nhân trở thành giai cấp lãnh đạo.

B. đưa phong trào công nhân từ tự phát chuyển sang tự giác.

C. đánh dấu sự trưởng thành lớn mạnh của giai cấp công nhân.

D. Truyền bá lí luận cách mạng, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển.

Câu 35. Tổ chức nào dưới đây hoạt động theo khung hướng cách mạng vô sản sớm nhất của Việt Nam?

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

B. Đông Dương cộng sản đảng.

C. An Nam cộng sản đảng.

D. Đông dương cộng sản liên đoàn.

Câu 36. Sắp xếp các sự kiện dưới đây theo đúng trình tự thời gian. sau:

1. Chủ trương ”Vô sản hóa” của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.

2. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên sáng lập báo Thanh niên.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

4. Đông Dương cộng sản đảng thành lập.

A. 1,2,3,4.

B. 2,1,3,4.

C. 3,1,2,4.

D. 2,1,4,3.

Câu 37. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng ý nghĩa cơ bản nhất sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam đầu 1930?

A. Mở ra một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam.

B. Chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam.

C. Chấm dứt sự khủng hoảng về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.

D. Chấm dứt sự khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

**IV. VẬN DỤNG CAO**

Câu 38. Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng (25-12-1927) chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ tư tưởng nào dưới đây?

A. Dân chủ tư sản Tôn Trung Sơn

B. Tư sản của Đảng Quốc Đại Ấn Độ

C. Vô sản Cách mạng tháng Mười Nga

D. Tư tưởng cải lương dân chủ tư sản.

Câu 39. Nguyên nhân chủ yếu nào dưới đây dẫn đến thất bại của khuynh hướng cách mạng dân chủ tư sản ở Việt Nam?

A. Thiếu đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp khoa học.

B. So sánh lực lượng không có lợi cho cách mạng, thời cơ chưa xuất hiện.

C. Ngọn cờ tư tưởng tư sản đã lỗi thời, không tập hợp được lực lượng.

D. Nổ ra trong tình thế bị động, tổ chức thiếu chu đáo, Pháp đang mạnh.

Câu 40. Sự ra đời và hoạt động của 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929 đã có hạn chế nào dưới đây?

A. Làm phong trào cách mạng Việt Nam chậm phát triển.

B. Ngăn cản sự đoàn kết lực lượng cách mạng Việt Nam.

C. Tranh giành phạm vi ảnh hưởng của tổ chức đảng với nhau.

D. Làm mất đoàn kết, ảnh hưởng không tốt đến cách mạng Việt Nam.

Câu 41. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam vì

A. giai cấp công nhân là lực lượng đông đảo.

B*.* công nhân có ý thức quyền lợi giai cấp.

C*.* giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để.

D*.* công nhân là lực lượng đại diện cho phương thức sản xuất mới.

Câu 42. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng ý nghĩa của việc thành lập Đảng đầu năm 1930 ?

A. Là kết quả của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam.

B. Đã hình thành nên khối liên minh công-nông, trở thành nòng cốt cách mạng.

C. Là sự sàng lọc nghiêm khắc của lịch sử trên con đường giải phóng dân tộc.

D. Là sản phẩm kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin và phong trào yêu nước.

Câu 43. Nội dung nào dưới đây thể hiện tính đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng?

A. Đánh giá đúng khả năng lãnh đạo của giai cấp công nhân.

B. Tạo ra mối lien hệ gắn bó giữa công nhân và nông dân.

C. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

D. Thể hiện rõ tinh thần quốc tế vô sản.

Câu 44 Nội dung nào dưới đây không thể hiện đúng vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên với cách mạng Việt Nam?

A.Thúc đẩy phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ.

B.Tích cực chuẩn bị tư tưởng chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

C.Tập hợp quần chúng nhân dân tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp.

D. Góp phần thắng lợi cách mạng theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Câu 45. Nhận xét nào dưới đây là đúng với tác động chủ trương “vô sản hóa” đối với phong trào công nhân?

A. Phong trào công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác.

B. Phong trào công nhân đã chuyển biến mạnh mẽ về chất.

C. Phong trào công nhân được đánh dấu bước tiến mới tăng nhanh về số lượng.

D. Phong trào công nhân có bước chuyển biên mạnh mẽ, có sự liên kết chặt chẽ hơn.

Câu 46. Tại sao khẳng định tác phẩm đường cách mệnh đã trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân cho các tầng lớp nhân dân?

A. Tuyên truyền tư tưởng đánh đổ đế quốc, thiết lập xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

B. Thể hiện quan điểm về cách mạng và đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.

C. Tuyên truyền tư tưởng giải phóng dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.

D. Tuyên truyền giáo dục lí luận và xây dựng tổ chức cách mạng.

Câu 47. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu khuynh hướng cách mạng vô sản giành quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam ?

A. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ra đời.

B. Tân Việt Cách mạng đảng bị phân hoá.

C. Sự ra đời của ba tổ chức cộng sản.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

**BÀI 14. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 – 1935.**

1. **NHẬN BIẾT**

Câu 1. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 - 1933 đã tác động đến ngành kinh tế nào?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Thương nghiệp.

D. Dịch vụ.

Câu 2. Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 gây ra cho xã hội Việt Nam là.

A. nhiều công nhân bị sa thải.

B. hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

C. người có việc làm thì đồng lương ít ỏi.

D. tình trạng đói khổ của các tầng lớp nhân dân.

Câu 3. Sự kiện nào diễn ra 2/1930 ở Việt Nam.

A. Có sự lãnh đạo của Đảng.

B. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930.

C. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ.

D. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp ngày càng sâu sắc.

Câu 4: Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là.

A. Chủ nghĩa đế quốc, thực dân.

B. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

C. Chủ nghĩa quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.

D. Chủ nghĩa phát xít.

Câu 5: Điểm nổi bật nhất trong phong trào cách mạng 1930-1931 là gì?

A. Vai trò lãnh đạo của Đảng và liên minh công nông.

B. Thành lập được đội quân chính trị đông đảo của quần chúng.

C. Đảng được tập dượt trong thực tiễn lãnh đạo đấu tranh.

D. Quần chúng được tập dượt đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Câu 6: Luận cương chính trị tháng 10- 1930 nặng về.

A. đấu tranh giải phóng dân tộc.

B. đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

C. đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp.

D. đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng.

Câu 7. Sự kiện nào dưới đây đã lôi cuốn đông đảo các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia cuối thập niên 20 của thế kỉ XX.

A. Phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

B. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930.

C. Phong trào tầng lớp tiểu tư sản.

D. Phong trào tư sản.

Câu 8. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã đem đến hậu quả chủ yếu cho giai cấp nông dân Việt Nam là gì.

A. Nông dân phải chịu cảnh thuế cao.

B. Nông dân bị bần cùng hóa.

C. Nông dân phải vay nợ nặng lãi.

D. Nông dân bị chiếm đoạt ruộng đất.

Câu 9. Mâu thuẫn sâu sắc nhất trong xã hội Việt Nam thời kì 1930-1931 bấy giờ.

A. Mâu thuẫn giữa tư sản người Việt với tư sản người Pháp.

B. Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản Pháp.

C. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với tay sai phản động Pháp.

D. Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, tay sai phản động.

Câu 10: Nguyên nhân nào là cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931?

A. Địa chủ phong kiến tay sai tăng cường bóc lột nhân dân Việt Nam.

B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh.

D. Ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 làm đời sống nhân dân cơ cực.

**II. THÔNG HIỂU**

Câu 11: Hai khẩu hiệu mà Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 là.

A. “Độc lập dân tộc” và “Ruộng đất dân cày”.

B. “Chống đế quốc” và “Chống phát xít, chống chiến tranh”.

C. “Giải phóng dân tộc” và “tịch thu ruộng đất của đế quốc Việt gian”.

D. "Đả đảo chủ nghĩa đế quốc! Đả đảo phong kiến", "Thả tù chính trị".

Câu 12. Chính sách kinh tế nào không phải do chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thực hiện trong những năm 1930-1931?

A. Chia ruộng đất công cho dân cày.

B. Xóa nợ cho người nghèo.

C. Bãi bỏ thuế thân.

D. Cải cách ruộng đất.

Câu 13. Xô viết đã thực hiện chức năng của chính quyền như thế nào?

A. Tự quản lí đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở địa phương.

B. Tiến hành các cải cách sâu rộng về kinh tế chính trị.

C. Tiến hành xây dựng một chính quyền mới đem đến lợi ích cho dân.

D. Tiến hành cải cách ruộng đất và cải cách giáo dục ở địa phương.

Câu 14. Ở Việt nam, đỉnh cao nhất của phong trào cách mạng 1930-1931 được đánh dấu bằng sự kiện nào?

A. Cuộc biểu tình của công nhân ngày 1/5/1930.

B. Cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy sợi Nam Định.

C. Cuộc đấu tranh của công nhân Vinh- Bến Thủy.

D. Sự thành lập các Xô viết ở Nghệ An và Hà Tĩnh.

Câu 15. Điều gì đã chứng tỏ rằng đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931 là ở Nghệ An – Hà Tĩnh?

A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.

B. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện liên minh công- nông vững chắc.

Câu 16. Khối liên minh công- nông lần đầu tiên được hình thành từ trong phong trào cách mạng nào ở Việt nam?

A. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

B. Phong trào cách mạng 1930-1931.

C. Phong trào dân tộc dân chủ 1919-1930.

D. Phong trào dân tộc dân chủ 1936-1939.

Câu 17. Sự kiện nào làm tăng thêm những mâu thuẫn và tình trạng bất ổn trong xã hội Việt Nam thời kì 1930-1931?

A. Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa.

B. Hậu quả của khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

C. Công nhân và thợ thủ công thất nghiệp.

D. Pháp tăng cường đàn áp sau khởi nghĩa Yên Bái.

**III. VẬN DỤNG THẤP**

Câu 18. Một trong những hạn chế của "Luận cương chính trị" (10-1930) so với "Cương lĩnh chính trị" (2-1930) là gì?

1. chưa vạch ra đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam.
2. chưa thấy được vai trò của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt Nam.
3. nặng về đấu tranh giai cấp, coi công - nông mới là động lực cách mạng.
4. mang tính chất hữu khuynh, giáo điều.

Câu 19. Ý nghĩa chủ yếu của phong trào cách mạng năm1930-1931 là.

A. Đã để lại cho Đảng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

B. Khẳng định đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

C. Tạo điều kiện Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời.

D. Phong trào như cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

Câu 20: Điểm khác biệt nhau cơ bản giữa "Luận cương chính trị" với "Cương lĩnh chính trị" đầu tiên là gì ?

A. Luận cương xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nhưng nặng về đấu tranh giai cấp.

B. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nhưng lại nặng về đấu tranh dân tộc.

C. Luận cương không xác định đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội thuộc địa, nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.

D. Luận cương xác định nhiệm vụ đấu tranh dân tộc là hàng đầu nhưng không đề ra được sách lược liên minh giai cấp, đoàn kết dân tộc.

Câu 21. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 - 1933 đã tác động gì đến Việt Nam?

A. bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931.

B. đời sống nhân dân Việt Nam cơ cực, đói khổ.

C. kinh tế Việt Nam suy sup và phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

D. Pháp trút gánh nặng của cuộc khủng hoảng vào Việt Nam.

**IV. VẬN DỤNG CAO**

Câu 22: Điều gì đã chứng tỏ rằng: Từ tháng 9/1930 trở đi phong trào cách mạng 1930 - 1931 dần đạt tới đỉnh cao?

A. Sử dụng hình thức vũ trang khởi nghĩa và thành lập chính quyền Xô viết.

B. Phong trào diễn ra sôi nổi, rộng khắp trong cả nước.

C. Vấn đề ruộng đất của nông dân được giải quyết triệt để.

D. Đã thực hiện được liên minh công - nông vững chắc.

Câu 23: Sự khác biệt giữa phong trào đấu tranh của nông dân Nghệ-Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước năm 1930 là.

A. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể.

B. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị.

C. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ.

D. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đặt ra mục tiêu cải thiện đời sống .

Câu 24. Điểm giống nhau cơ bản giữa "Cương lĩnh chính trị" (2-1930) với "Luận cương chính trị"(10-1930).

A.Xác định đúng đắn giai cấp lãnh đạo cách mạng

B.Xác định đúng đắn mâu thuẫn trong xã hội Đông Dương.

C.Xác định đúng đắn khả năng tham gia cách mạng của các giai cấp.

D.Xác định đúng đắn nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

Câu 25. Hạn chế lớn nhất của Luận cương chính trị là

A. không đưa được ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp.

B. đánh giá không đúng khả năng cách mạng của công –nông.

C. xác định tính chất của cách mạng Việt nam là cách mạng tư sản dân quyền.

D. chưa vạch rõ nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền.

Câu 26. Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là

A. lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.

B. lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

C. đánh đổ đế quốc và phong kiến phản động.

D. đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc.

Câu 27. Luận cương chính trị tháng 10/1030 của Đảng cộng sản Đông Dương không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp là do

A. chưa đánh giá đúng khả năng chống đế quốc và phong kiến của tư sản dân tộc.

B. chưa xác định được mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Dương thuộc địa.

C. chưa xác định được mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Đông Dương thuộc địa.

D. chịu sự chi phối của tư tưởng hữu khuynh từ các đảng cộng sản trên thế giới.

Câu 28. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) và Luận cương chính trị của Đảng cộng sản Đông dương (10/1930) đều xác định

A. tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất.

B. Đảng cộng sản Đông dương giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

C. Nhiệm vụ cách mạng là xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc.

D. Lực lượng của cách mạng tư sản dân quyền bao gồm toàn dân tộc.

Câu 29. Luận cương chính trị tháng 10/1930 của Đảng cộng sản Đông Dương có hạn chế trong việc xác định

A. quan hệ giữa cách mạng Đông Dương với cách mạng thế giới.

B. nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

C. vai trò lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản.

D. phương pháp, hình thức đấu tranh cách mạng.